CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Nước sạch Bắc Giang

Ngày 30/06/2025	16,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.2%	**3.2%**	**3.9%**

DT thuần
Q2/25
50.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.50| 9.8%
YoY: ▲ 4.20| 9.1%

LN thuần
Q2/25
5.85
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.60| 160%
YoY: ▲ 2.56| 77.7%

LN sau thuế
Q2/25
4.98
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.95| 145%
YoY: ▲ 2.16| 76.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
12.4%
YoY: +/-▲ 6.9%

ROE (TTM)
Q2/25
7.5%
YoY: +/-▲ 1.4%

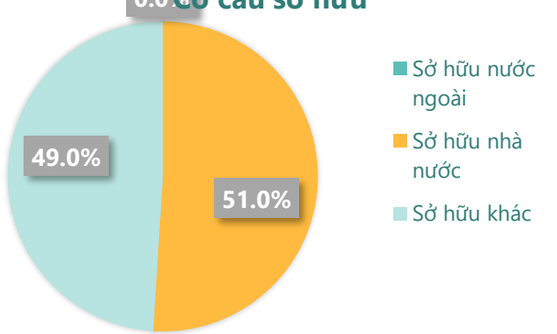
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	15,404 - 19,832
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	290
Số lượng CPLH (CP)	18,149,446
KLGD BQ 20 phiên (CP)	250
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.01
EPS	778
P/E	20.6

DT thuần
6T 2025
95.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.9| 12.9%

LN thuần
6T 2025
8.09
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.01| 59.5%

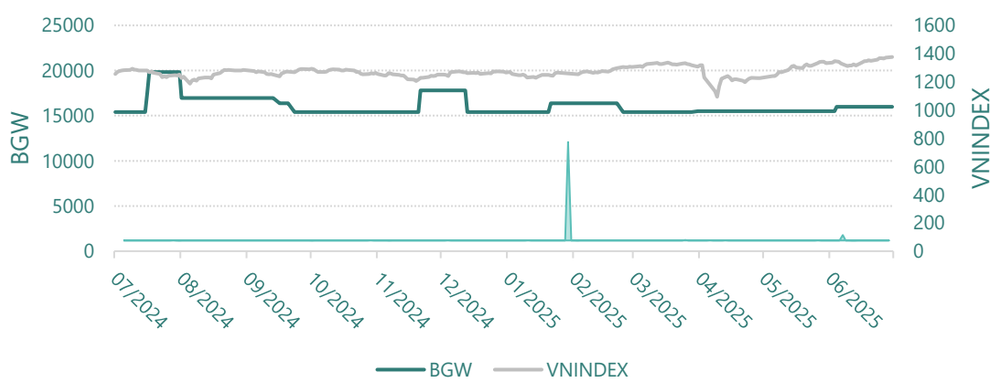
LN sau thuế
6T 2025
7.01
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.64| 60.3%

Cơ cấu sở hữu

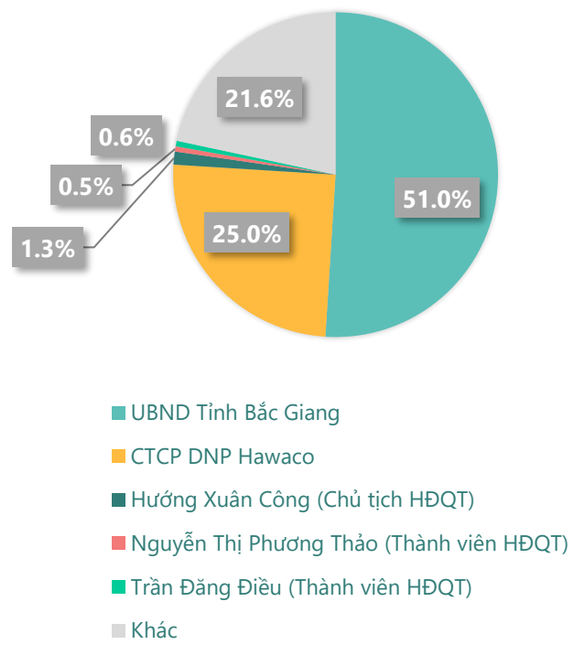


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



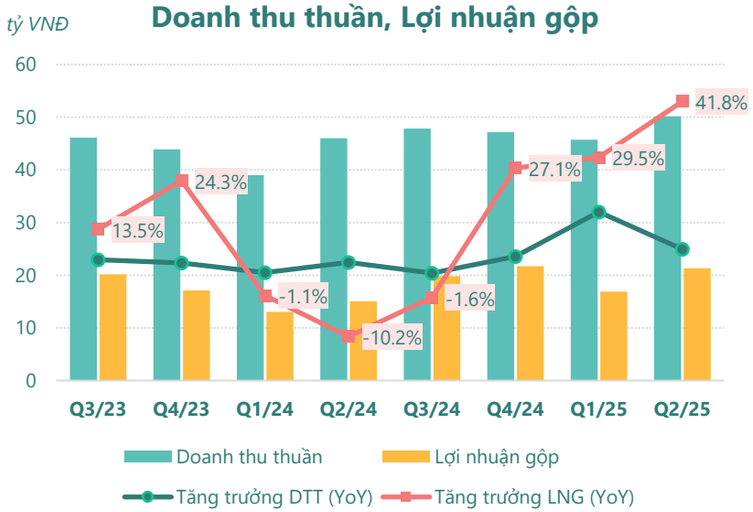
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

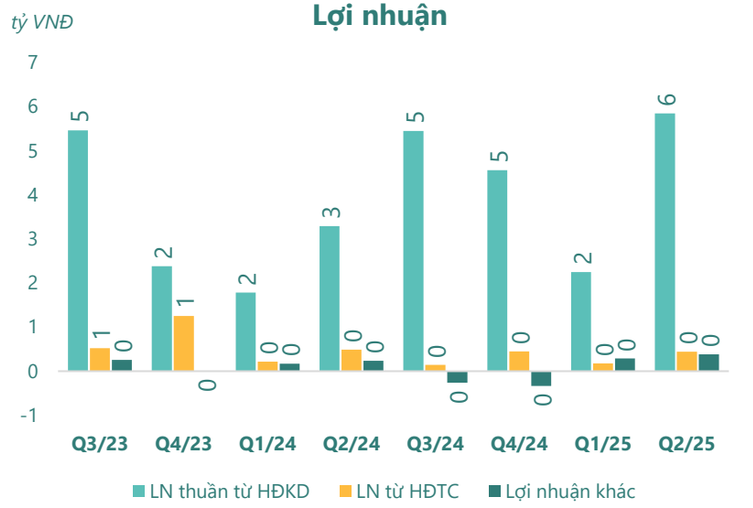
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



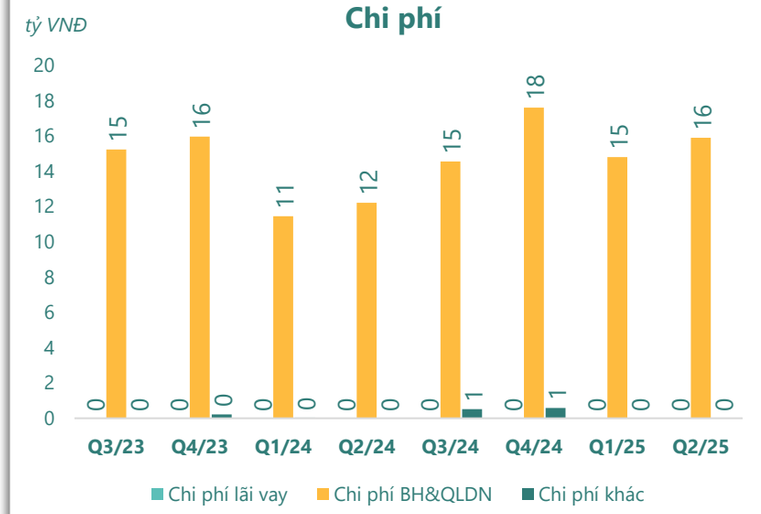
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



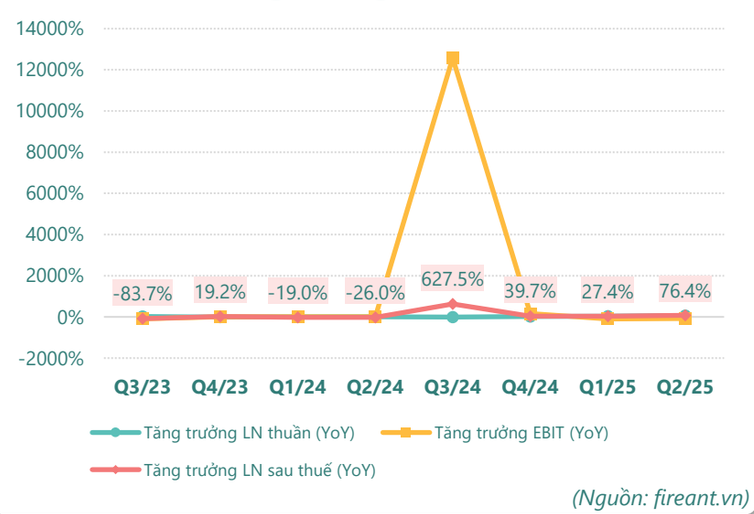
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



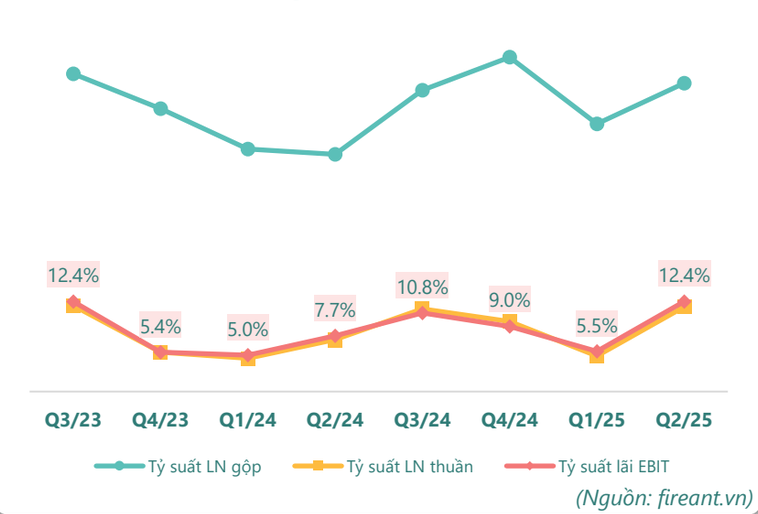
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



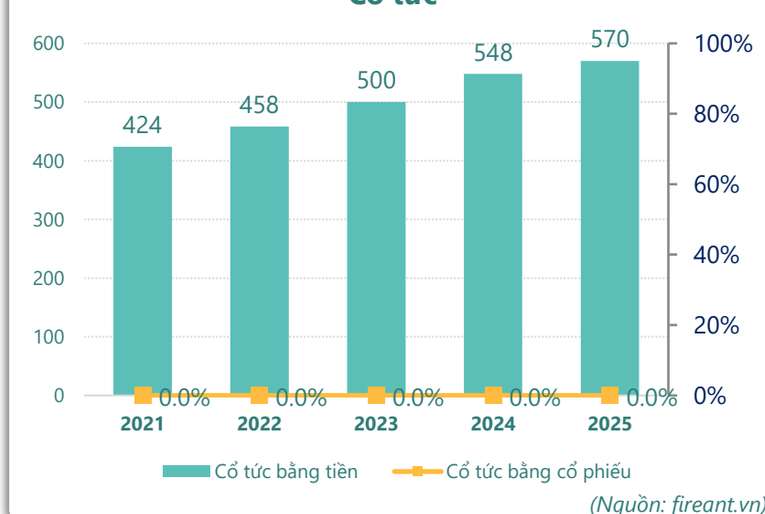
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



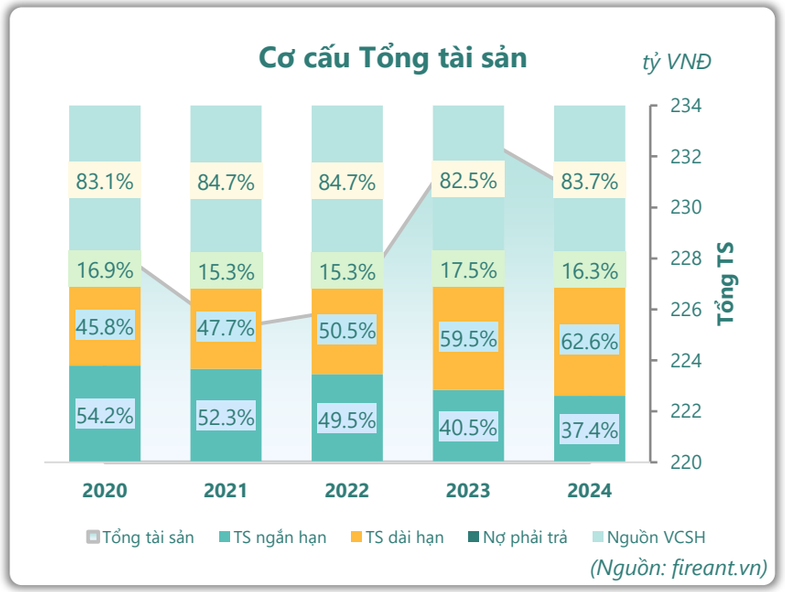
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

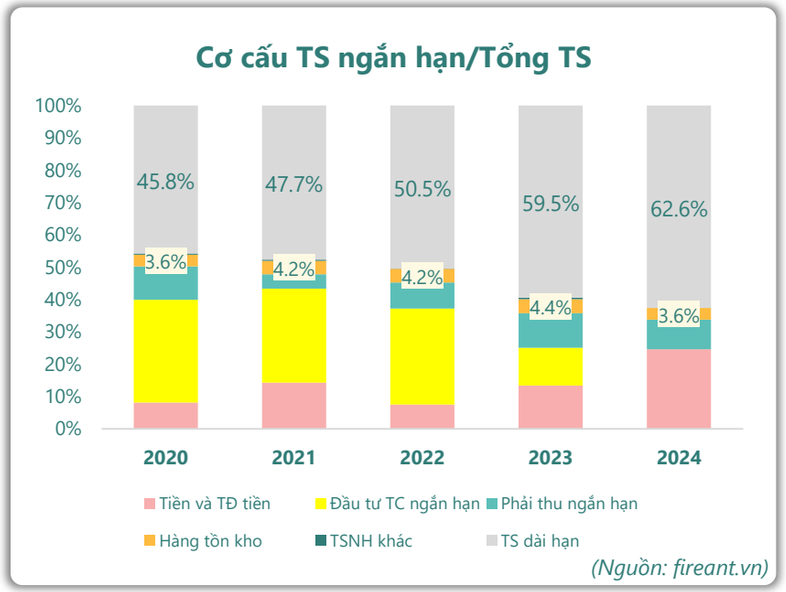


(Nguồn: fireant.vn)

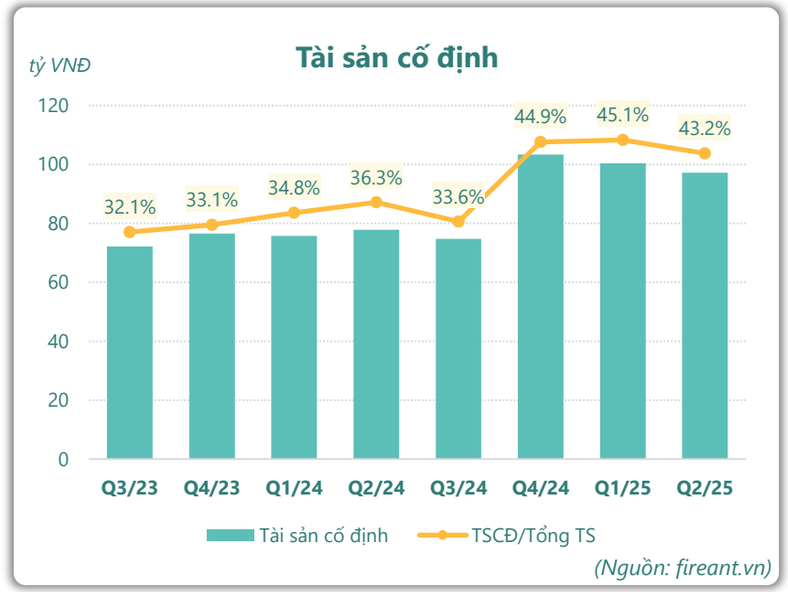
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



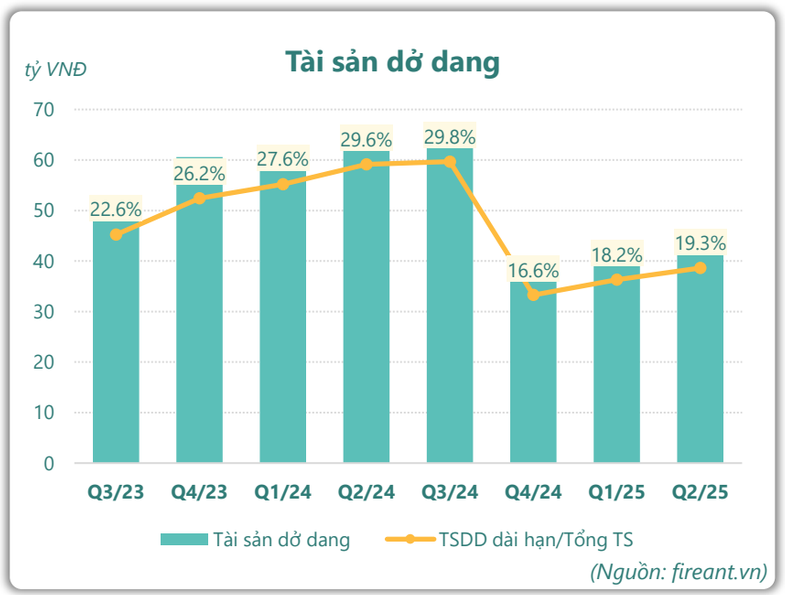
(Nguồn: fireant.vn)



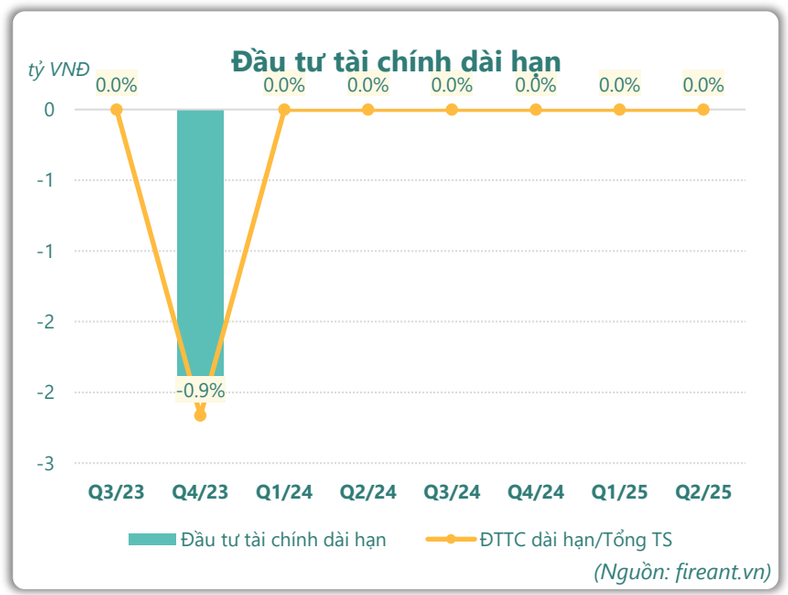
(Nguồn: fireant.vn)



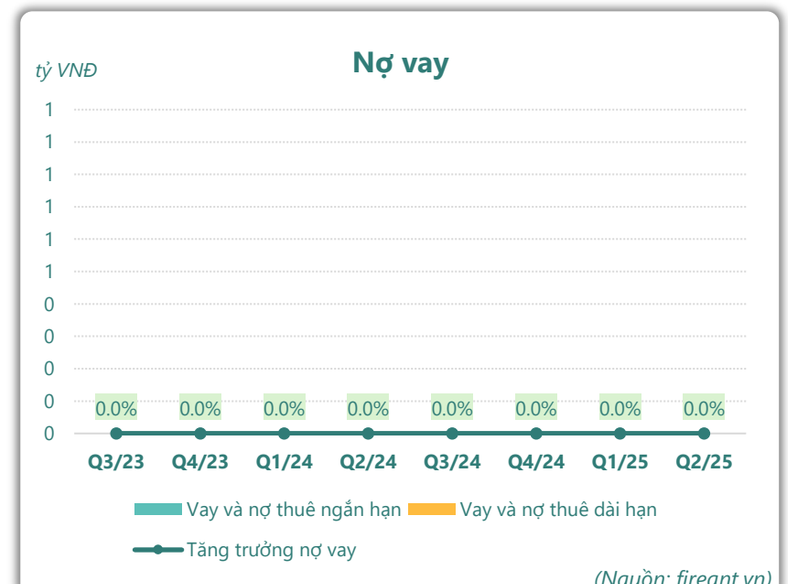
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



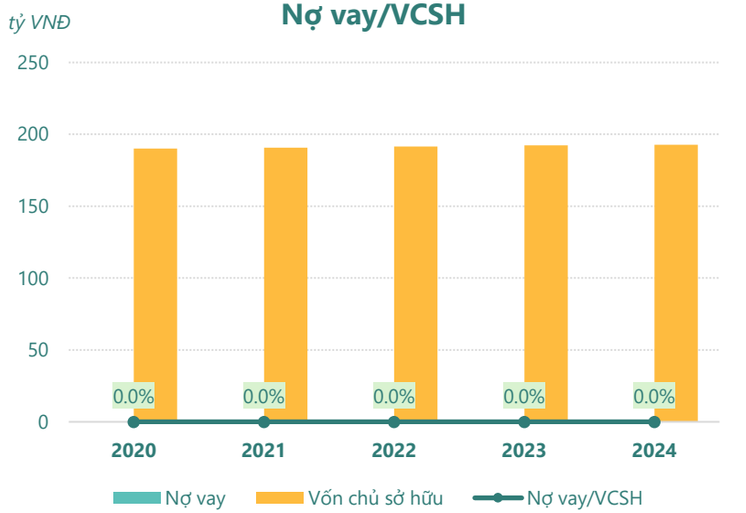
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

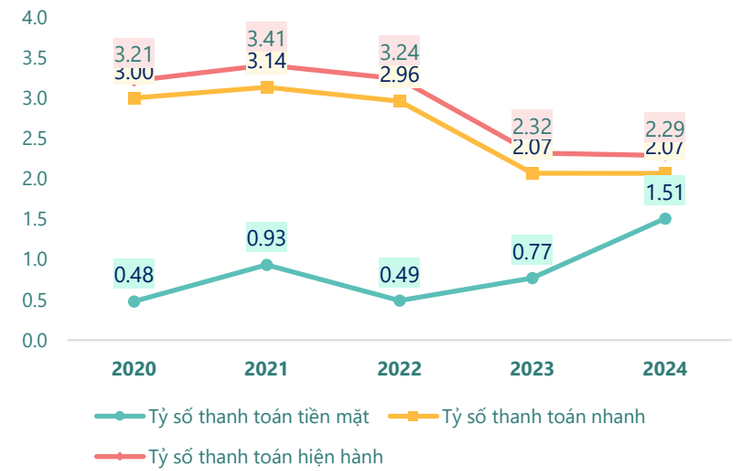
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



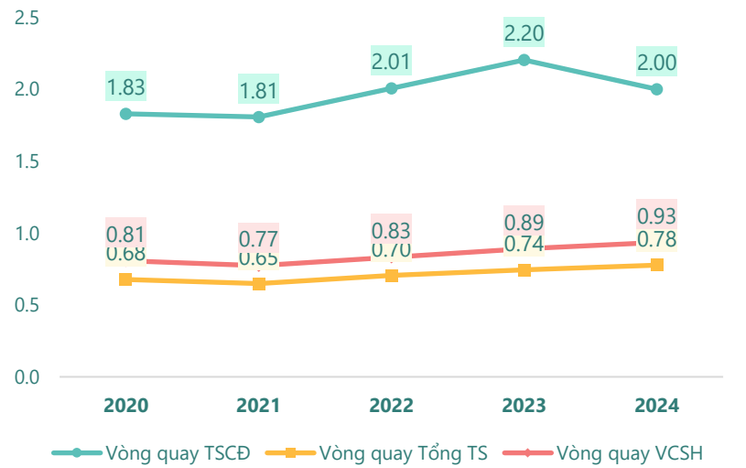
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



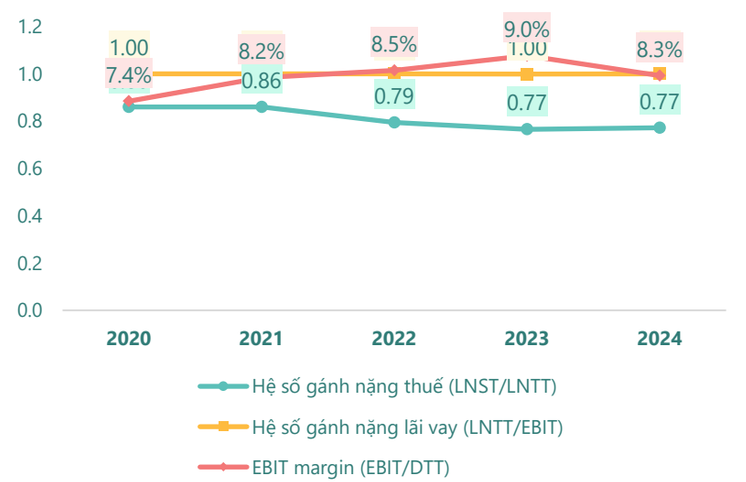
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



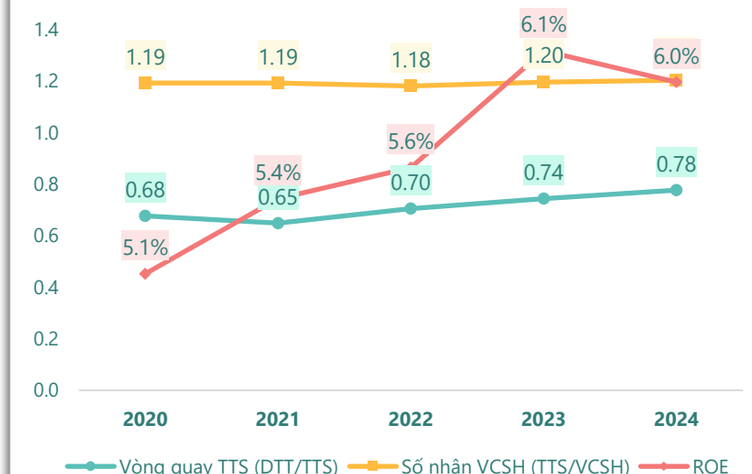
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



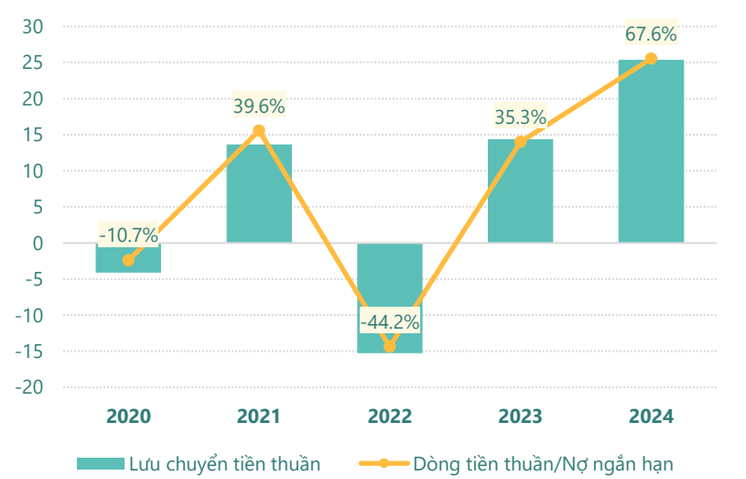
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**50.2**	**46.0**	**9.1%**	**95.9**	**85.0**	**12.9%**
Giá vốn hàng bán	28.9	31.0	-6.9%	57.7	56.9	1.5%
Lợi nhuận gộp	21.3	15.0	42.1%	38.2	28.1	36.1%
Doanh thu HĐTC	0.44	0.49	-9.4%	0.62	0.70	-11.4%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	10.7	8.21	30.4%	20.5	15.8	30.3%
Chi phí QLDN	**5.20**	**4.01**	**29.7%**	**10.2**	**7.93**	**28.3%**
LN thuần từ HĐKD	5.85	3.29	77.7%	8.09	5.08	59.5%
Lợi nhuận khác	**0.38**	**0.23**	**65.8%**	**0.67**	**0.40**	**66.0%**
LN trước thuế	6.23	3.52	76.9%	8.76	5.48	59.9%
Lợi nhuận sau thuế	**4.98**	**2.82**	**76.6%**	**7.01**	**4.37**	**60.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.98**	**2.82**	**76.6%**	**7.01**	**4.37**	**60.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.6	8.66	11.3	9.01	-5.74	14.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.58	13.3	-1.27	-2.72	-1.33	-1.41
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-9.83	0	0	0	-10.2
Tiền đầu kỳ	31.3	28.3	40.4	50.4	56.7	49.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.03**	**12.1**	**10.0**	**6.29**	**-7.07**	**2.41**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	28.3	40.4	50.4	56.7	49.6	52.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**225**	**230**	**-2.4%**
Tài sản ngắn hạn	81.5	86.0	-5.3%
Tiền và tương đương tiền	52.0	56.7	-8.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	21.4	21.0	2.0%
Hàng tồn kho	8.02	8.33	-3.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**143**	**144**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	97.2	103	-6.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	43.4	38.3	13.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.80**	**2.67**	**4.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	35.4	37.6	-5.7%
Nợ ngắn hạn	**35.4**	**37.6**	**-5.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.02	0.63	219%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**189**	**193**	**-1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**189**	**193**	**-1.7%**
Vốn điều lệ	181	181	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)